BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/2019/TT-BGTVT *Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2019*

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác và bảo trì đường cao tốc;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về các nội dung sau:

a) Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện;

b) Quy định việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

2. Đối tượng áp dụng bao gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo hình thức đối tác công tư, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án có thể quyết định việc áp dụng các quy định tại Thông tư này trong hồ sơ lựa chọn nhà đầu tư hoặc dự thảo hợp đồng dự án. Trong trường hợp hợp đồng dự án đã ký, các bên có thể thỏa thuận để bổ sung quy định tại Thông tư này vào hợp đồng dự án hoặc nhà đầu tư có thể áp dụng các quy định của Thông tư này trong hoạt động quản lý, bảo trì công trình đường bộ.

Điều 2. Áp dụng hình thức bảo trì đối với các hoạt động bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Bảo trì theo khối lượng thực tế là việc thực hiện hoạt động bảo trì theo khối lượng công việc thực tế đã thực hiện. Hình thức này được áp dụng đối với các hoạt động bảo trì sau:

a) Sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất;

b) Kiểm tra, kiểm định, quan trắc công trình, hạng mục công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

2. Bảo trì theo chất lượng thực hiện là việc thực hiện hoạt động bảo trì theo các tiêu chí chất lượng, trong một khoảng thời gian với một số tiền nhất định

được quy định tại hợp đồng kinh tế. Hình thức này được áp dụng trong hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ khi đáp ứng đồng thời các quy định sau:

a) Công trình đường bộ được đầu tư xây dựng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật về xây dựng; công trình, hạng mục công trình, thiết bị vận hành khai thác công trình đường bộ chưa hết thời hạn sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

b) Công trình đường bộ được đảm bảo kinh phí thực hiện bảo dưỡng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Đối với các gói thầu, hợp đồng có các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ không đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ vào tình trạng của từng loại tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và kinh phí được giao, Tổng cục Đường bộ Việt Nam quyết định áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện đối với từng tài sản, từng công việc bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; ưu tiên áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện đối với các công việc bảo dưỡng có thể xây dựng tiêu chí chất lượng phù hợp với kinh phí được giao (các công việc quản lý, công việc bảo dưỡng không sử dụng vật liệu, công việc bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông hoặc các công việc bảo dưỡng khác); các công việc bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ còn lại áp dụng hình thức bảo trì theo khối lượng thực tế.

4. Thời gian hợp đồng bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện không quá 05 năm.

Tổng cục Đường bộ Việt Nam quyết định thời gian thực hiện hợp đồng các gói thầu bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc đặt hàng đối với trường hợp đủ điều kiện đặt hàng theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 3. Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện bao gồm:

1. Yêu cầu kỹ thuật chất lượng đối với hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện được quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quy định về giám sát, nghiệm thu, phương pháp đánh giá, khấu trừ kinh phí hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện được quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Các hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã tổ chức lựa chọn nhà thầu, đã ký hợp đồng bảo trì trước ngày Thông tư này có hiệu lực, các bên tham gia ký kết hợp đồng có thể thương thảo điều chỉnh lại hợp đồng đã ký phù hợp quy định của Thông tư này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Thọ

Phụ lục số I

YÊU CẦU KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BẢO DƯỠNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Yêu cầu kỹ thuật chất lượng, mức độ đáp ứng và thời gian cho phép khắc phục tồn tại đối với hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (trừ đường cao tốc)

1. Công tác quản lý công trình đường bộ

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.1	Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình	Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Mục 4.2.1 của Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Có đủ các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của hợp đồng; thể hiện đầy đủ, chính xác các số liệu so với hiện trường và quy định; cập nhật, bổ sung những thay đổi của công trình vào hồ sơ, tài liệu. b) Lưu giữ, bảo quản có hệ thống, khoa học, không mất, hư hỏng hồ sơ. Cung cấp hồ sơ, tài liệu kịp thời khi cơ quan quản lý đường bộ (cơ quan ký kết hợp đồng - Bên A) yêu cầu. c) Đối với việc quản lý cầu bằng phần mềm quản lý (VBMS, LRMS) và các công việc khác đã quy định sử dụng phần mềm quản lý phải được cập nhật và lưu trữ thường xuyên trên phần mềm quản lý.	a) Các thay đổi công trình đường bộ phải được cập nhật không quá 15 ngày. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.2	Công tác tuần đường	Thực hiện theo Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT và các nội dung Mục 4.2.8 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Bố trí đủ nhân viên tuần đường, trang bị đủ cho nhân viên tuần đường; tổ chức thực hiện nhiệm vụ của nhân viên tuần đường, xử lý kiến nghị của nhân viên tuần đường, cập nhật kết quả tổ chức khắc phục hư hỏng, xuống cấp của công trình, bộ phận, hạng mục công trình, tham gia xử lý tai nạn, khắc phục bão lũ, bảo vệ công trình và hành lang an toàn đường bộ, báo cáo theo quy định. b) Sổ nhật ký tuần đường thể hiện đầy đủ kết quả hoạt động tuần đường, nhận xét, ý kiến xử lý của nhà thầu theo quy định tại Điều 4, Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT. c) Các quy định khác: - Phát hiện kịp tình trạng bất thường, sự cố của công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông và tai nạn, ùn tắc giao thông (chụp ảnh hiện trạng hư hỏng, tai nạn và báo cáo kịp thời). - Thống kê, nắm rõ số lượng, vị trí, tình trạng chi tiết của công trình đường bộ trong đoạn tuyến được giao; phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình; xử lý hoặc báo cáo để có biện pháp xử lý.	a) Cho phép thời gian khắc phục khi chưa trang bị đủ trang phục và thiết bị của nhân viên tuần đường là 01 tháng kể từ khi ký kết hợp đồng. b) Đối với các lỗi không đáp ứng còn lại: thời gian khắc phục tối đa không quá 01 ngày kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			- Theo dõi tai nạn giao thông và xử lý theo quy định. - Phát hiện kịp thời, lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm công tác quản lý, bảo vệ phạm vi đất của đường bộ, báo cáo Bên A xử lý theo quy định.	
1.3	Đếm xe	Thực hiện việc đếm xe theo Mục 4.2.5 của Tiêu chuẩn TCCS 07:2013/TCĐBVN hoặc ý kiến chỉ đạo của cơ quan quản lý đường bộ.	a) Phiếu đếm xe chi tiết thể hiện đầy đủ, chính xác kết quả đếm xe được phân loại theo yêu cầu của hợp đồng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian đếm xe. Báo cáo tổng hợp kết quả đếm xe của đợt đếm cụ thể từng ngày, số ca đếm trong ngày, số xe được phân loại cụ thể theo các chiều. b) Chế độ báo cáo, tổng hợp, lưu trữ và các nội dung khác thực hiện theo quy định do cơ quan có thẩm quyền ban hành, quy định trong hợp đồng bảo trì.	a) Ngày đếm xe được phép lùi (hoặc tiến) không quá 5 ngày so với quy định nếu trùng vào dịp Lễ, Tết hoặc sự kiện, sự cố ảnh hưởng làm thay đổi đột ngột lưu lượng. b) Công tác tổng hợp, lưu trữ và báo cáo kết quả đếm xe cho phép chậm không quá 10 ngày kể từ ngày phải đếm xe.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.4	Quản lý bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Thực hiện các công việc quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, đất của đường bộ, công trình đường bộ và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 7 Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT; thực hiện quy định tại Mục 4.2.2 và 4.4.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Phát hiện, xử lý theo quy định, ngăn chặn kịp thời các vi phạm hành lang và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. b) Phối hợp chặt chẽ với người quản lý sử dụng công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương, lực lượng thanh tra và công an trong công tác bảo dưỡng, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả kiểm tra cột mốc giải phóng mặt bằng, mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ vào hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ. Trường hợp phát hiện mất mốc phải xử lý ngay hoặc báo cáo chính quyền địa phương và cơ quan quản lý đường bộ để xử lý. c) Tổng hợp, báo cáo kết quả xử lý vi phạm đầy đủ, đúng quy định.	15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.5	Đảm bảo trật tự an toàn giao thông.	Theo dõi tình hình tai nạn giao thông, tham gia xử lý, báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và điểm c,	a) Khi có tai nạn giao thông, phải thông báo ngay cho lực lượng chức năng, xử lý ùn tắc giao thông, tham gia hướng dẫn giao thông (nếu cần), tham gia cứu nạn cứu hộ, bảo vệ hiện trường.	a) Đối với công tác báo cáo: cho phép chậm không quá 02 ngày theo quy định,

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		khoản 8 Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT và Mục 4.2.6, 4.2.7 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Phát hiện, phối hợp kịp thời với lực lượng chức năng lập biên bản xác nhận thiệt hại đối với các vụ tai nạn giao thông gây hư hỏng công trình đường bộ. b) Phát hiện, theo dõi kịp thời các tồn tại trong tổ chức giao thông, điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. c) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.	nhưng trước khi nghiệm thu tháng phải báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.6	Trực đảm bảo giao thông, xử lý khi có bão, lũ lụt, mưa, sạt lở	Trực đảm bảo giao thông khi có bão lụt, tổ chức đảm bảo giao thông theo quy định Mục 4.2.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN; xử lý khi có bão, lũ lụt, mưa, sạt lở theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT.	a) Trực đảm bảo giao thông khi có bão, lũ lụt, mưa lớn; nắm bắt tình hình thiệt hại; ghi chép đầy đủ diễn biến thời tiết, các hư hỏng công trình đường bộ được giao quản lý trong ca trực. b) Báo cáo ngay khi có sự cố, tham gia xử lý các sự cố, đảm bảo thông đường theo điều kiện hợp đồng, quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	a) Đối với công tác báo cáo: báo cáo Bên A ngay khi xảy ra sự cố. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của Bên A.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.7	Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường	Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất, cập nhật và tổng hợp báo cáo theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 4; khoản 4, khoản 8 Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT và Mục 4.2.9 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, dấu hiệu hư hỏng công trình đường bộ, thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ theo quy định hợp đồng. b) Trường hợp hư hỏng, xuống cấp nằm ngoài phạm vi hợp đồng, báo cáo kịp thời Bên A để có biện pháp sửa chữa, khắc phục. c) Báo cáo Bên A tình trạng kỹ thuật của các hạng mục công trình, các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của các hạng mục các công trình được giao quản lý theo yêu cầu của TCCS 07:2013/TCĐBVN; lưu giữ đầy đủ các biên bản, phiếu kiểm tra. d) Cập nhật đầy đủ vào hồ sơ, tài liệu hoặc các phần mềm quản lý cầu, đường.	a) Việc cập nhật các thay đổi công trình đường bộ: không quá 15 ngày sau khi có thay đổi. b) Đối với các hư hỏng xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình: phát hiện, báo cáo không quá 01 ngày khi xảy ra sự cố. c) Đối với các nội dung còn lại: không quá 15 ngày.

2. Bảo dưỡng mặt đường[1]

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
2.1	**Đường bê tông nhựa (BTN), láng nhựa**			
2.1.1	Vá ổ gà (gồm cả vá mép mặt đường sứt vỡ)	Vá ổ gà theo quy định tại Mục 5.4.3.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Xử lý kịp thời các vị trí ổ gà ngay từ khi phát hiện. b) Các miếng vá phải cùng cao độ với mặt đường xung quanh với dung sai tối đa + 5 mm; những miếng vá có diện tích > 0,1 m^2 được vá theo hình chữ nhật, hình vuông; các cạnh miếng vá phải song song hoặc vuông góc với tim đường. c) Các miếng vá được vá bằng các vật liệu quy định trong các tiêu chuẩn kỹ thuật. Vật liệu vá phải tương đương hoặc tốt hơn so với vật liệu đã được sử dụng cho mặt đường xung quanh (mặt đường bê tông nhựa (BTN) phải được vá bằng BTN nóng, hoặc BTN ấm, hoặc BTN nguội; trên các tuyến đường cấp thấp tại những nơi khó khăn trong việc sản xuất, cung ứng các loại BTN, cho phép sử dụng vật liệu carboncor để vá. Mặt đường láng	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 03 ngày đối với tuyến đường cấp I, II , 05 ngày đối với các tuyến đường cấp III - VI kể từ khi xuất hiện.

[1] Đường đã được sửa chữa định kỳ đúng thời hạn quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và lưu lượng khai thác tích lũy nhỏ hơn tổng lưu lượng theo TCVN 4054:2005

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			nhựa phải được vá bằng láng nhựa, các loại bê tông nhựa, carboncor, đá dăm đen). d) Mối nối giữa miếng vá với mặt đường xung quanh không được để khe hở rộng quá 03 mm.	
2.1.2	Vết nứt dọc, nứt ngang đơn lẻ	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.5 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Trên mặt đường không có vết nứt có độ rộng trên 05 mm.	Khi xuất hiện vết nứt loại này thì thời gian cho phép sửa chữa trong vòng 07 ngày đối với mùa mưa, 14 ngày đối với mùa khô.
2.1.3	Xử lý nứt mai rùa và các dạng nứt dày đặc khác.	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.4 của TCCS 07:2013/TCĐBVN. Khi mặt đường xuất hiện các vết nứt, bong tróc phải xử lý ngay bằng cách láng nhựa nóng hoặc nhũ tương a xít hoặc bằng các vật liệu khác phù hợp đảm bảo ngăn không cho nước	Diện tích mặt bị nứt không được vượt quá 10% diện tích mặt đường tính cho 50 m dài đường bất kỳ.	Khi xuất hiện vết nứt loại này, thời gian cho phép sửa chữa trong vòng 07 ngày đối với mùa mưa, 14 ngày đối với mùa khô.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		ngấm xuống lớp dưới và đảm bảo mặt đường êm thuận. Trình tự thực hiện theo Tiêu chuẩn thi công mặt đường láng nhựa nóng TCVN 8863:2011 hoặc láng nhựa nhũ tương nhựa đường a xít TCVN 9505:2012 tương ứng.		
2.1.4	Xử lý lún lõm, đẩy trồi, dồn nhựa, lún vệt bánh xe, bong bật và bong tróc	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.6, 5.4.3.7, 5.4.3.8 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Không để tình trạng lún lõm quá 25 mm đối với đường bê tông nhựa, không quá 50 mm đối với đường láng nhựa. b) Các hư hỏng đẩy trồi, dồn nhựa không được hư hỏng mức độ M trở lên theo TCCS 07:2013/TCĐBVN. c) Vật liệu vá và các nội dung khác như đối với công tác vá ổ gà tại Mục 2.1.1.	Các chỗ lún lõm vượt quá mức giới hạn phải được loại bỏ không quá 10 ngày (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.1.5	Sình lún	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.10 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Không được để sình lún phát triển thành rạn nứt lớn và không được để lún lõm quá 25 mm đối với đường bê tông nhựa, 50 mm đối với	Các chỗ sình lún phải được loại bỏ trong vòng 10 ngày (không

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			đường láng nhựa, thấm nhập nhựa. Đồng thời, không được quá 0,5% diện tích mặt đường rạn nứt và lún lõm nhỏ hơn các quy định trên. b) Yêu cầu mức độ đáp ứng khi xử lý sình lún như đối với công tác vá ổ gà tại Mục 2.1.1.	tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.1.6	Vệ sinh mặt đường	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.1 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Mặt đường (bao gồm cả dải phân cách giữa) và lề đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không được có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không để đọng đất, cát trên mặt đường; dải phân cách không để bụi đất bám làm mất tác dụng của sơn báo hiệu; đáp ứng các yêu cầu sau:	
			a) Khắc phục các chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn giao thông như: đất, đá, động vật chết, vật liệu.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như: nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	04 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	07 ngày kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
2.2.	**Đường bê tông xi măng**			
2.2.1	Xử lý khe co, khe giãn và khe dọc	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.2, 5.4.2.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Các khe co, khe giãn, khe dọc không bị bong bật mất vật liệu chèn khe có mức độ hư hỏng M trở lên[2].	Phải xử lý trong vòng 07 ngày sau khi phát hiện (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.2.2	Xử lý vết nứt	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.4 - 5.4.2.7 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Không để xuất hiện vết nứt có mức độ hư hỏng M trở lên.	Phải sửa chữa trong vòng 07 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 14 ngày (đối với mùa khô)
2.2.3	Vệ sinh mặt đường	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.1 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Mặt đường (bao gồm cả dải phân cách giữa) và lề đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không được có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không để đọng đất, cát trên mặt đường; dải phân cách không để bụi đất bám làm mất tác dụng của sơn báo hiệu; đáp ứng các yêu cầu sau:	

[2] Mức độ hư hỏng M theo TCCS 07:2013/TCĐBVN

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			a) Khắc phục chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn giao thông như đất, đá, động vật chết, vật liệu bị đổ đi.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	04 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác với không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	07 ngày kể từ khi phát hiện.
2.3	**Đường đá dăm, cấp phối tự nhiên**			
2.3.1	Vá ổ gà, lún lõm cục bộ	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.4.2, 5.4.5.5 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Không có ổ gà, lún lõm cục bộ trên mặt đường đang khai thác. Trường hợp có ổ gà thì phải được vá sửa. Trường hợp gặp trời mưa liên tục hoặc vì lý do bất khả kháng cho phép sửa chữa đảm bảo giao thông tạm bằng vật liệu khác nhưng sau đó phải thực hiện như yêu cầu.	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 05 ngày sau khi phát hiện.
2.3.2	Xử lý lún lõm, gồ ghề	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.4.1 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Không được để các chỗ lún lõm, trồi lún quá 50 mm hoặc gây ảnh hưởng đến người tham gia giao thông, mặt đường còn nguyên mui luyện, không đọng nước.	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 10 ngày sau khi phát hiện (không tính các ngày trời mưa, mặt đường bị ngập không thi công được).

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
2.3.3	Sình lún	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.5.6 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Không được để sình lún phát triển thành rạn nứt lớn, lún lõm quá 50mm. Diện tích sình lún không được quá 0,5% diện tích mặt đường.	Các chỗ sình lún phải được loại bỏ trong vòng 10 ngày (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.3.4	Vệ sinh mặt đường	Tùy theo mức độ bẩn của mặt đường để bố trí số lần vệ sinh, tưới nước chống bụi vào những ngày hanh khô.	Mặt đường (bao gồm cả dải phân cách giữa) và lề đường không được có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác.	Khắc phục trong vòng 01 giờ nếu gây nguy hiểm mất an toàn giao thông; trong vòng 07 ngày đối với trường hợp còn lại.
2.3.5	Các nội dung khác	Khi có nước trên mặt đường phải tổ chức khơi thông nước, bổ sung kết cấu mặt bù vào các vị trí lún lõm; Tùy theo điều kiện nguồn vốn và quy định tại hợp đồng để bổ sung, điều chỉnh các nội dung phù hợp.	Không để mặt đường đọng nước.	Thời gian cho phép khắc phục không quá 24 giờ.

3. Tiêu chí chất lượng hệ thống an toàn giao thông và hệ thống chiếu sáng

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
3.1	Biển báo	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.1 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Bảo quản đầy đủ biển báo từ khi nhận bàn giao; đảm bảo chất lượng, rõ ràng, không bị bẩn, chắc chắn, dễ nhận biết từ xa và phải quan sát được rõ cả ngày và đêm.	Đối với hư hỏng, mất phải sửa chữa thay thế trong vòng 01 ngày đối với biển báo cấm, biển hiệu lệnh; 03 ngày với các biển còn lại sau khi phát hiện.
3.2	Vạch sơn kẻ đường, gờ giảm tốc.	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Duy trì các vạch sơn khi nhận bàn giao, thường xuyên vệ sinh bảo đảm sáng rõ, không bị cát bụi lấp, dễ nhận biết; không bị mờ hoặc bong tróc.	Đối với những vạch sơn mặt đường hư hỏng cục bộ phải được sơn dặm trong vòng 28 ngày.
3.3	Cột Km, cọc H, cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ và cọc tiêu	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.12 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Đảm bảo dễ nhận biết, dễ đọc, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời.	Sửa chữa, thay thế trong vòng 07 ngày.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
3.4	Tường hộ lan, tôn sóng	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.8 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ tường hộ lan, tôn sóng từ khi nhận bàn giao. b) Đảm bảo dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày khi phát hiện.
3.5	Dải phân cách bằng trụ bê tông luồn ống thép, khung lưới thép, trụ dẻo	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.10 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Đảm bảo dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày khi phát hiện.
3.6	Mắt phản quang, đinh phản quang, tấm chống chói, gương cầu lồi	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.4, 5.12.5, 4.12.13 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Đảm bảo dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
3.7	Dải phân cách giữa, đảo giao thông	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.6, 5.12.11 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Đảm bảo sạch, không nứt vỡ hư hỏng; cây cỏ không chờm lên mặt đường, không cho phép cành cây và cỏ chườm ra mặt ngoài hàng vỉa bê tông và không cao quá 1,2 m kể từ cao độ mặt nhựa (đối với cây) và cỏ không cao quá 0,2 m đối với dải phân cách.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày khi phát hiện.
3.8	Đường cứu nạn (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.9 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Đường vào luôn thông thoáng, dễ nhận biết, không có vật cản, đảm bảo thoát nước, có đủ độ xốp, đủ ma sát theo thiết kế ban đầu.	Các vật cản trên mặt đường phải được xử lý trong vòng 12 giờ; các tồn tại khác phải khắc phục trong 01 ngày.
3.9	Hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.7.1.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao, đảm bảo thời lượng thắp sáng đúng quy định. Đèn tín hiệu giao thông luôn trong tình trạng hoạt động bình thường. b) Cột đèn cần đèn phải chắc chắn không nghiêng lệch, sạch, không bị rỉ sét, nứt vỡ.	a) Bóng đèn hỏng phải sửa chữa, thay thế trong vòng 02 ngày. b) Cột đèn, cần đèn bị hư hỏng phải được khắc phục hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày.

4. Tiêu chí chất lượng nền đường, thoát nước và chăm sóc cây xanh

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4.1	Taluy đắp và taluy đào	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.1.2, 5.1.3, 5.1.4 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Đảm bảo hình dạng ban đầu, không bị xói lở; đảm bảo độ chặt (đối với taluy đất); cụ thể: a) Khi có sạt lở nhỏ phải tổ chức xử lý đảm bảo an toàn giao thông. b) Các hư hỏng lớn vượt quá tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên do mưa bão, lở đất phải báo cáo kịp thời cho cơ quan được giao quản lý tài sản để được xem xét xử lý.	a) Phải hoàn tất sửa chữa trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện hư hỏng (mùa mưa), 03 ngày (mùa khô). b) Trường hợp sạt lở khối lượng nhỏ làm ách tắc giao thông phải khắc phục ngay để đảm bảo giao thông trong vòng 06 giờ. c) Hư hỏng lớn phải báo cáo ngay trong vòng 01 giờ.
4.2	Phát cây, cắt cỏ, tỉa cành	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.1.2.3, 5.1.2.4, 5.1.2.5 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Không che khuất cọc tiêu, biển báo, cột Km và ảnh hưởng đến thoát nước; không ảnh hưởng tầm nhìn. b) Đối với taluy dương trong phạm vi chiều cao ≤ 4,0 m cây cỏ không được cao quá 0,2 m.	a) Cây cỏ phải được cắt, phát quang trong vòng 03 ngày khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			c) Đối với taluy âm trong phạm vi 1,0 m từ vai đường trở ra và trong bụng đường cong cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m. d) Cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m và chờm ra mặt đường.	b) Cây đổ ngang đường phải khắc phục để đảm bảo an toàn giao thông trong thời gian 03 giờ kể từ khi phát hiện.
4.3	Lề đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Chênh lệch cao độ lề đường so với mép mặt đường không được vượt quá 50 mm. b) Lề đường có gia cố lớp mặt không bị biến dạng, xói lở ổ gà, vỡ mép. Phạm vi lề đường, đất của đường bộ phải thông thoáng, không có vật liệu, chất thải chất đống.	Các hư hỏng của lề đường phải được khắc phục trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.
4.4	Rãnh và các công trình thoát nước có gia cố (gạch, đá, bê tông xi măng)	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Phải đảm bảo thông thoáng, không được để đọng rác, bùn, đất, các vật gây cản trở dòng chảy; các bộ phận được gia cố không bị hư hỏng, mất; không xói lở xung quanh kết cấu rãnh.	Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện đối với mùa mưa, 07 ngày đối với mùa khô. Hư hỏng lớn, mất phải được sửa chữa hoặc báo cáo trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4.5	Rãnh và các công trình thoát nước bằng đất đá tự nhiên	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.3 ủa TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Không có chướng ngại vật gây cản trở dòng chảy; không gây ngập úng khi trời mưa.	Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện đối với mùa mưa, 07 ngày đối với mùa khô. Hư hỏng, sạt lở phải được sửa chữa trong vòng 07 ngày sau khi được phát hiện.
4.6	Hố thu và cống	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Phải sạch rác và bùn đất, không có vật gây cản trở dòng chảy, không bị hỏng, mất về kết cấu; xung quanh phải được lèn chặt bằng vật liệu thích hợp.	Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 07 ngày (đối với mùa khô) Hư hỏng phải được sửa chữa trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4.7	Hệ thống cây xanh	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.14 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Cây xanh, thảm cỏ luôn được phát quang, xén tỉa đảm bảo tầm nhìn, mỹ quan, không che khuất tầm nhìn, cọc tiêu, biển báo, cột Km, hộ lan, tường chắn và ảnh hưởng đến việc thoát nước. b) Đối với dải phân cách giữa, đảo giao thông không cho phép cành cây và cỏ chờm ra mặt ngoài hàng vỉa bê tông, cây cao không quá 1,3 m tính từ cao độ mặt vỉa.	Cây cỏ phải được cắt tỉa, phát quang, dọn dẹp trong vòng 03 ngày kể từ khi phát hiện chờm ra mặt đường làm che khuất tầm nhìn và gây cản trở giao thông. Khi có cây đổ ngang đường phải khắc phục để đảm bảo giao thông trong thời gian 03 giờ sau khi phát hiện.

5. Tiêu chí chất lượng cầu và các công trình khác

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.1	Công trình có kết cấu bằng thép hoặc bằng	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.8.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Kết cấu sạch, không đọng nước. Các bộ phận kim loại của toàn bộ công trình phải được sơn hoặc nếu không phải được bảo vệ và không bị xói mòn, rỉ sét.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	kim loại khác		b) Khi công trình bị hư hỏng đe dọa tới tính toàn vẹn kết cấu của công trình, nhà thầu phải thông báo ngay cho cấp có thẩm quyền; đồng thời phải có biện pháp cảnh báo cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến; cần thiết phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và an toàn giao thông.	
5.2	Công trình có kết cấu bê tông, đá xây	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.8.1 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Tình trạng công trình bình thường, vệ sinh sạch sẽ, không đọng nước, các hư hỏng nhỏ phải được sửa chữa hoặc theo dõi. b) Khi công trình bị hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn kết cấu của công trình, nhà thầu phải thông báo ngay cho cấp có thẩm quyền; đồng thời phải có biện pháp cảnh báo cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến. Cần thiết phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và an toàn giao thông.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.
5.3	Khe co giãn cầu, gối cầu, mố trụ cầu	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.7, 5.11.9, 5.11.10 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Sạch đất cát, không bong tróc, mất bu lông và không biến dạng, hư hỏng, đảm bảo trong tình trạng tốt. Gối cầu thép phải được bôi mỡ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng:

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			b) Đối với các hư hỏng, biến dạng của gối cầu, mố trụ cầu phải được phát hiện, báo cáo và theo dõi thường xuyên. c) Các nguyên nhân dẫn đến việc không đảm bảo yêu cầu phải được thực hiện trong thời gian 14 ngày sau khi nước rút.	a) 01 ngày từ khi phát hiện đối với khe co giãn. b) 05 ngày từ khi phát hiện với gối, mố, trụ cầu.
5.4	Mặt cầu, đường đầu cầu	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.1, 5.11.4 đến mục 5.11.6, 5.11.11 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Không có ổ gà, vệ sinh sạch, thoát nước tốt. Đảm bảo êm thuận phần tiếp giáp đầu cầu. b) Xử lý ổ gà, rạn nứt, trồi lún như quy định đối với mặt đường tương ứng tại điểm 2 Mục I của Phụ lục này. c) Có biển cảnh báo, giảm tốc độ phù hợp khi có hư hỏng trong thời gian chờ xử lý. d) Các chỗ lún lõm, ổ gà phải được xử lý đảm bảo giao thông ngay sau không quá 02 ngày phát hiện.	Khắc phục hư hỏng trong vòng 02 ngày từ khi phát hiện.
5.5	Kè dẫn hướng, các kết cấu phòng hộ	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.12 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Tình trạng công trình bình thường; không có hư hỏng, không có cây cối ảnh hưởng đến dòng chảy và kết cấu công trình. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.6	Tường chắn, kè	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.5 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Tình trạng tường chắn bình thường; không có hư hỏng, không có cây cối ảnh hưởng đến dòng chảy và kết cấu công trình, đảm bảo thoát nước bình thường. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.
5.7	Đường tràn, đường ngầm	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.6 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Dễ nhận biết khi bị ngập do lũ lụt, không có hư hỏng; không bị ách tắc dòng chảy, đảm bảo an toàn giao thông. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.
5.8	Hầm đường bộ	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.7 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Đảm bảo mặt đường sạch, thoát nước và đảm bảo chiếu sáng đảm bảo an toàn giao thông. b) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, xử lý các hư hỏng nhỏ và theo dõi, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày từ khi phát hiện

II. Yêu cầu kỹ thuật chất lượng, mức độ đáp ứng và thời gian cho phép khắc phục tồn tại đối với hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cao tốc

1. Công tác quản lý công trình đường bộ

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.1	Lập, quản lý hồ sơ và cập	Thực hiện đầy đủ theo các nội dung tại Điều 11,	a) Có đủ các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của hợp đồng; thể hiện đầy đủ, chính xác các số liệu so với	a) Các thay đổi công trình đường bộ phải

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình	Điều 12, Điều 13 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Mục 4.1.1 của Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên công trình đường cao tốc TCCS 17:2016/TCĐBVN.	hiện trường và quy định; cập nhật, bổ sung những thay đổi của công trình vào hồ sơ, tài liệu. b) Lưu giữ, bảo quản có hệ thống, khoa học, không mất, hư hỏng hồ sơ. Cung cấp hồ sơ, tài liệu kịp thời khi cơ quan quản lý đường bộ (cơ quan ký kết hợp đồng - Bên A) yêu cầu. c) Đối với việc quản lý cầu bằng phần mềm quản lý (VBMS, LRMS) và các công việc khác đã quy định sử dụng phần mềm quản lý phải được cập nhật và lưu trữ thường xuyên trên phần mềm quản lý.	được cập nhật không quá 15 ngày. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.2	Công tác tuần đường	Thực hiện đầy đủ theo Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT và các nội dung Tiêu chuẩn quản lý và khai thác đường cao tốc - Tuần đường và xử lý sự cố trên đường cao tốc TCCS 16:2016/TCĐBVN.	a) Lập kế hoạch tuần đường; bố trí đủ nhân viên tuần đường, trang bị đủ cho nhân viên tuần đường; tổ chức thực hiện công tác tuần đường; xử lý kiến nghị của nhân viên tuần đường, cập nhật kết quả tổ chức khắc phục hư hỏng, xuống cấp của công trình, bộ phận, hạng mục công trình; xử lý kịp thời các vi phạm, tai nạn, sự cố; khắc phục bão lũ, bảo vệ công trình và hành lang an toàn đường bộ, báo cáo theo quy định. b) Sổ nhật ký tuần đường thể hiện đầy đủ kết quả hoạt động tuần đường, nhận xét, ý kiến xử lý của nhà thầu theo quy định tại Điều 4, Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT.	a) Cho phép thời gian khắc phục khi chưa trang bị đủ trang phục và thiết bị của nhân viên tuần đường là 01 tháng kể từ khi ký kết hợp đồng. b) Đối với các lỗi không đáp ứng còn lại: thời gian khắc phục tối đa không quá 01 ngày kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			c) Các quy định khác: - Phát hiện tình trạng bất thường, sự cố của công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông và tai nạn, ùn tắc giao thông (chụp ảnh hiện trạng hư hỏng, tai nạn và báo cáo kịp thời). - Thống kê, nắm rõ số lượng, vị trí, tình trạng chi tiết của công trình đường bộ trong đoạn tuyến được giao; phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình; xử lý hoặc báo cáo để có biện pháp xử lý. - Theo dõi tai nạn giao thông và xử lý theo quy định. - Công tác quản lý, bảo vệ phạm vi đất của đường bộ: phát hiện kịp thời, lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm, báo cáo Bên A xử lý theo quy định. - Theo dõi việc thi công công trình trên đường bộ đang khai thác, nhắc nhở nhà thầu thi công bảo đảm an toàn giao thông; nếu phát hiện các hành vi gây mất an toàn giao thông báo cáo ngay tuần kiểm viên để xử lý kịp thời.	
1.3	Đếm xe	Thực hiện theo các nội dung Mục 4.1.1.6 của Tiêu chuẩn TCCS	a) Phiếu đếm xe chi tiết thể hiện đầy đủ, chính xác kết quả đếm xe được phân loại theo yêu cầu của hợp đồng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian đếm xe.	a) Ngày đếm xe được phép lùi (hoặc tiến) không quá 05 ngày so

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		17:2016/TCĐBVN hoặc ý kiến chỉ đạo của cơ quan quản lý đường bộ.	Báo cáo tổng hợp kết quả đếm xe của đợt đếm cụ thể từng ngày, số ca đếm trong ngày, số xe được phân loại cụ thể theo các chiều. b) Chế độ báo cáo, tổng hợp, lưu trữ và các nội dung khác thực hiện theo quy định tại các tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành, quy định trong hợp đồng bảo trì.	với quy định nếu trùng vào dịp Lễ, Tết hoặc sự kiện, sự cố ảnh hưởng làm thay đổi đột ngột lưu lượng. b) Công tác tổng hợp, lưu trữ và báo cáo kết quả đếm xe cho phép chậm không quá 10 ngày kể từ ngày phải đếm xe.
1.4	Quản lý bảo vệ hành lang an toàn và công trình đường cao tốc	Thực hiện các công việc quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, đất của đường bộ, công trình đường bộ và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại khoản 3, Điều 12 Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT; khoản 1 Điều 4 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT;	a) Phát hiện, xử lý theo quy định, ngăn chặn kịp thời các vi phạm hành lang và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. b) Phối hợp chặt chẽ với người quản lý sử dụng công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương, lực lượng thanh tra và công an trong công tác bảo dưỡng, vận hành khai thác công trình, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả kiểm tra cột mốc giải phóng mặt bằng, mốc lộ giới, mốc đất của	15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		quy định tại Mục 4.1.3 và Mục 4.1.3.3 TCCS 17:2016/TCĐBVN.	đường bộ vào hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ. Trường hợp phát hiện mất mốc, phải xử lý ngay hoặc báo cáo chính quyền địa phương và cơ quan quản lý đường bộ để xử lý. c) Tổng hợp, báo cáo kết quả xử lý vi phạm đầy đủ, đúng quy định.	
1.5	Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, xử lý tai nạn giao thông	Thực hiện báo cáo, xử lý theo Điều 13 Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT, Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT; Mục 5.2 của Tiêu chuẩn TCCS 16:2016/TCĐBVN.	a) Khi phát hiện tai nạn giao thông, báo cáo ngay các thông tin ban đầu; tổ chức sơ, cấp cứu ban đầu; bảo vệ hiện trường, tổ chức phân luồng giao thông. Phát hiện, phối hợp kịp thời với lực lượng chức năng lập biên bản xác nhận thiệt hại đối với các vụ tai nạn giao thông gây hư hỏng công trình đường bộ. b) Phát hiện, theo dõi kịp thời các tồn tại trong tổ chức giao thông, điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. c) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.	a) Báo cáo ngay sau khi phát hiện tai tạn giao thông. b) Đối với công tác báo cáo khác: cho phép chậm không quá 02 ngày theo quy định nhưng trước khi nghiệm thu tháng phải báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông. c) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.6	Trực đảm bảo giao thông; xử lý khi có bão, lũ lụt, mưa, sạt lở	Thực hiện theo khoản 3, Điều 12 Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT; Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT; theo quy định của Quy trình vận hành, khai thác tuyến đường đã được phê duyệt.	a) Đảm bảo đầy đủ số người trực theo ca, vị trí theo quy định; ghi chép đầy đủ nội dung, diễn biến thời tiết, các hư hỏng công trình đường bộ được giao quản lý trong ca trực. b) Có phương án, biện pháp tổ chức ứng phó các sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. c) Báo cáo ngay khi có sự cố, tham gia xử lý các sự cố, đảm bảo thông đường theo điều kiện hợp đồng, quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	a) Các phương án, biện pháp tổ chức ứng phó phải được lập trong vòng 20 ngày kể từ khi ký hợp đồng. b) Đối với công tác báo cáo: báo cáo Bên A ngay khi xảy ra sự cố. c) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của Bên A.
1.7	Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường	Thực hiện theo khoản 2, khoản 4 Điều 4 và khoản 4, khoản 8 Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT và Mục 4.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, dấu hiệu hư hỏng công trình đường bộ, thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ xử lý theo quy định Hợp đồng. b) Trường hợp hư hỏng, xuống cấp nằm ngoài phạm vi hợp đồng thì báo cáo kịp thời cho Bên A để có biện pháp sửa chữa khắc phục. c) Báo cáo Bên A tình trạng kỹ thuật của các hạng mục công trình, các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp	a) Việc cập nhật các thay đổi công trình đường bộ: không quá 15 ngày sau khi có thay đổi. b) Đối với các hư hỏng xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			của các hạng mục các công trình được giao quản lý theo yêu cầu của TCCS 17:2016/TCĐBVN; lưu giữ đầy đủ các biên bản, phiếu kiểm tra. d) Cập nhật đầy đủ vào hồ sơ, tài liệu hoặc các phần mềm quản lý cầu, đường.	giao thông, an toàn công trình: phát hiện, báo cáo không quá 01 ngày khi xảy ra sự cố. c) Đối với các nội dung còn lại: không quá 10 ngày.

2. Bảo dưỡng mặt đường[3]

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
2.1	**Đường bê tông nhựa (BTN)**			
2.1.1	Vá mặt đường bê tông nhựa (xử lý ổ gà, hố, nứt cục bộ, sụt lún)	Vá mặt đường BTN theo quy định tại Mục 5.1.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Xử lý kịp thời các vị trí hư hỏng ngay từ khi phát hiện. b) Các miếng vá phải cùng cao độ với mặt đường xung quanh với dung sai tối đa + 05 mm; những miếng vá có diện tích > 0,1 m^2 được vá theo hình chữ nhật, hình vuông; các cạnh miếng vá phải song song hoặc vuông góc với tim đường.	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 01 ngày sau khi xuất hiện đối với ổ gà; 05 ngày sau khi xuất hiện đối với các chỗ lún lõm.

[3] Đường đã được sửa chữa định kỳ đúng thời hạn quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và lưu lượng khai thác tích lũy nhỏ hơn tổng lưu lượng theo TCVN 4054:2005

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			c) Các miếng vá được vá bằng các vật liệu quy định trong các tiêu chuẩn kỹ thuật. Vật liệu vá phải tương đương hoặc tốt hơn so với vật liệu đã được sử dụng cho mặt đường xung quanh (mặt đường bê tông nhựa (BTN) phải được vá bằng BTN nóng hoặc BTN ấm hoặc BTN nguội). d) Trong trường hợp khẩn cấp cho phép sử dụng các vật liệu thích hợp như carboncor, vật liệu làm đường có chất kết dính để vá nhằm đảm bảo giao thông. Khi đó nếu cần phải hạn chế tốc độ do chất lượng vị trí vá tạm không tương ứng với toàn tuyến. Trong vòng 15 ngày phải thay vị trí vá tạm bằng vật liệu tiêu chuẩn dành cho vá đường cao tốc. đ) Mối nối giữa miếng vá với mặt đường xung quanh không được để khe hở rộng quá 03 mm.	
2.1.2	Trám vá mặt đường bê tông nhựa (xử lý các vết nứt mặt đường)	Trám vá mặt đường BTN theo quy định tại Mục 5.1.3 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Trên mặt đường không có vết nứt có độ rộng trên 05 mm. b) Đối với nứt mai rùa: diện tích mặt đường bị nứt không được vượt quá 10% diện tích mặt đường tính cho 50 m dài đường bất kỳ.	Khi xuất hiện vết nứt, thời gian cho phép sửa chữa: a) Đối với chiều rộng vết nứt ≥ 05 mm phải vá láng trong vòng 03 ngày sau khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
				b) Đối với chiều rộng vết nứt < 05 mm phải sửa chữa trong vòng 05 ngày.
2.1.3	Vệ sinh mặt đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.1.1 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Mặt đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không tồn tại đất, đá, cát, rác thải trên mặt đường, lề đường, đáp ứng các yêu cầu sau:	
			a) Khắc phục các chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn giao thông như: đất, đá, động vật chết, vật liệu bị đổ đi.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như: nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác với không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	03 ngày kể từ khi phát hiện.
2.2.	**Đường bê tông xi măng**			
2.2.1	Xử lý khe co, khe giãn và khe dọc	Xử lý theo quy định tại Mục 5.2.2.2. 5.2.2.3 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Các khe co, khe giãn, khe dọc không bị bong bật mất vật liệu chèn khe có mức độ hư hỏng L trở lên theo TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Phải xử lý trong vòng 05 ngày sau khi phát hiện (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
2.2.2	Xử lý vết nứt	Xử lý theo quy định tại Mục 5.2.3 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Không để xuất hiện vết nứt có mức độ hư hỏng L trở lên theo TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Phải sửa chữa trong vòng 05 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 10 ngày (đối với mùa khô).
2.2.3	Vệ sinh mặt đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 2.1.3 như đối với mặt đường bê tông nhựa.	Mặt đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không tồn tại đất, đá, cát, rác thải trên mặt đường, lề đường, đáp ứng các yêu cầu sau:	
			a) Khắc phục chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn giao thông như đất, đá, động vật chết, vật liệu bị đổ đi.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác với không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	03 ngày kể từ khi phát hiện.

3. Tiêu chí chất lượng hệ thống an toàn giao thông và hệ thống chiếu sáng

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
3.1	Biển báo	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.1.1 và	a) Bảo quản đầy đủ biển báo từ khi nhận bàn giao; đảm bảo chất lượng, rõ ràng, không bị bẩn, chắc chắn,	Đối với hư hỏng, mất phải sửa chữa thay

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		10.1.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	dễ nhận biết từ xa và phải quan sát được rõ cả ngày và đêm. b) Biển báo điện tử phải hiển thị đúng và đầy đủ thông tin, tỷ lệ đèn LED bị tắt trên 1 mặt biển báo phải đảm bảo bé hơn 1/4 tổng số đèn sáng.	thế trong vòng 01 ngày đối với biển báo chỉ dẫn, nguy hiểm, biển hiệu lệnh; 03 ngày với các biển còn lại sau khi phát hiện.
3.2	Vạch sơn kẻ đường, gờ giảm tốc	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.3, 10.4 của TCCS17:2016/TCĐBVN.	Duy trì các vạch sơn khi nhận bàn giao, thường xuyên vệ sinh bảo đảm sáng rõ, không bị cát bụi lấp, dễ nhận biết; sơn dặm khi bị mờ hoặc bong tróc.	Đối với những vạch sơn mặt đường hư hỏng cục bộ phải được sơn dặm trong vòng 07 ngày.
3.3	Cột Km, cọc H, trụ dẻo, cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ và cọc tiêu	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.6 của TCCS17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ các loại cột, cọc từ khi nhận bàn giao. b) Thường xuyên vệ sinh sạch, phát quang đảm bảo tầm nhìn; các loại cột, cọc phải được chắc chắn, không xiêu vẹo; các chữ viết trên cột Km, cọc H, mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ không bị mờ, dễ đọc. c) Nắn chỉnh, sửa chữa kịp thời nếu bị hư hỏng.	Sửa chữa, thay thế trong vòng 07 ngày.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
3.4	Tường hộ lan, tôn sóng	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.7 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ tường hộ lan, tôn sóng từ khi nhận bàn giao, phải chắc chắn, không bị bẩn, mờ, đủ bu lông xiết chặt. b) Đảm bảo, dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày sau khi phát hiện.
3.5	Dải phân cách giữa, đảo giao thông	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.8 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Kết cấu bê tông, bó vỉa đảm bảo chắc chắn, không bị nghiêng đổ; sạch, không nứt vỡ hư hỏng. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày khi phát hiện.
3.6	Đinh phản quang	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.5 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao. b) Đảm bảo chắc chắn, dễ nhận biết, không xiêu vẹo; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. c) Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
3.7	Hệ thống chống chói (dạng tấm, lưới,...)	Thực hiện theo quy định tại Mục 11.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao. b) Kết cấu đảm bảo chắc chắn, không xiêu vẹo, sạch, dễ nhận biết; các hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. c) Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày khi phát hiện.
3.8	Hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Mục 11.1, 10.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao, vận hành hệ thống đảm bảo thời lượng thắp sáng đúng quy định. b) Đèn tín hiệu giao thông luôn trong tình trạng hoạt động bình thường. Cột đèn, cần đèn, tủ điện, chóa đèn phải chắc chắn không nghiêng lệch, sạch, không bị rỉ sét, nứt vỡ. c) Thực hiện cảnh báo, đảm bảo an toàn khu vực khi xảy ra sự cố. Kịp thời xử lý khắc phục sự cố theo quy định. d) Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	a) Bóng đèn hỏng phải sửa chữa, thay thế trong vòng 01 ngày. b) Cột đèn, cần đèn bị hư hỏng phải được sửa chữa khắc phục, hoặc báo cáo trong vòng 02 ngày.

4. Tiêu chí chất lượng nền đường, thoát nước và chăm sóc cây xanh

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4.1	Taluy đắp và taluy đào	Thực hiện theo quy định tại Mục 6.2, 6.3, 6.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Đảm bảo hình dạng ban đầu, không bị xói lở; đảm bảo độ chặt (đối với taluy đất); cụ thể: a) Khi có sạt lở nhỏ phải tổ chức xử lý đảm bảo an toàn giao thông. b) Các hư hỏng lớn vượt quá tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên do mưa bão, lở đất phải báo cáo kịp thời cho cơ quan được giao quản lý tài sản để được xem xét xử lý.	a) Phải hoàn tất sửa chữa trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện hư hỏng (mùa mưa), 03 ngày (mùa khô). b) Trường hợp sạt lở khối lượng nhỏ làm ách tắc giao thông phải khắc phục ngay để đảm bảo giao thông trong vòng 06 giờ. c) Hư hỏng lớn phải báo cáo ngay trong vòng 01 giờ.
4.2	Phát cây, cắt cỏ, tỉa cành	Thực hiện theo quy định tại Mục 6.2.3, 6.2.4, 6.2.5 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Không che khuất cọc tiêu, biển báo, cột Km và ảnh hưởng đến thoát nước; không ảnh hưởng tầm nhìn. b) Đối với taluy dương trong phạm vi chiều cao ≤ 4,0 m cây cỏ không được cao quá 0,2 m. c) Đối với taluy âm trong phạm vi 1,0 m từ vai đường trở ra và trong bụng đường cong cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m.	a) Cây cỏ phải được cắt, phát quang trong vòng 03 ngày khi phát hiện. b) Cây đổ ngang đường phải khắc phục đảm bảo an toàn giao thông

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			d) Cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m và chờm ra mặt đường.	trong vòng 30 phút và dọn xong hoàn toàn trong 03 giờ sau khi phát hiện.
4.3	Lề đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Chênh lệch cao độ lề đường so với mép mặt đường không được vượt quá 50 mm. b) Lề đường có gia cố lớp mặt không bị biến dạng, xói lở ổ gà, vỡ mép. Phạm vi lề đường, đất của đường bộ phải thông thoáng, không có vật liệu, chất thải chất đống.	Các hư hỏng của lề đường phải được khắc phục sau 05 ngày phát hiện.
4.4	Rãnh và các công trình thoát nước	Thực hiện theo quy định tại Mục 7.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Phải đảm bảo thông thoáng, không được để đọng rác, bùn, đất, các vật gây cản trở dòng chảy; các bộ phận được gia cố không bị hư hỏng, mất; không xói lở xung quanh kết cấu rãnh.	a) Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện đối với mùa mưa, 05 ngày đối với mùa khô. b) Hư hỏng lớn, mất phải được sửa chữa hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày sau khi được phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4.5	Hố thu và cống	Thực hiện theo quy định tại Mục 7.1 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Phải sạch rác và bùn đất, không có vật gây cản trở dòng chảy, không bị hỏng, mất về kết cấu; xung quanh phải được lèn chặt bằng vật liệu thích hợp.	a) Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 05 ngày (đối với mùa khô) b) Hư hỏng phải được sửa chữa hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày sau khi được phát hiện.
4.6	Hệ thống cây xanh	Thực hiện theo quy định tại Mục 11.5 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Cây xanh, thảm cỏ luôn được phát quang, xén tỉa đảm bảo tầm nhìn, mỹ quan, không che khuất tầm nhìn, cọc tiêu, biển báo, cột Km, hộ lan, tường chắn và ảnh hưởng đến việc thoát nước. b) Đối với dải phân cách giữa, đảo giao thông không cho phép cành cây và cỏ mọc chờm ra ngoài hàng vỉa bê tông và chiều cao cây không quá 1,3 – 1,5 m kể từ cao độ mặt vỉa.	a) Cây cỏ phải được cắt tỉa, phát quang, dọn dẹp trong vòng 01 ngày kể từ khi phát hiện chờm ra mặt đường làm che khuất tầm nhìn và gây cản trở giao thông. b) Cây đổ ngang đường phải khắc phục trong vòng 30 phút và

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
				dọn xong hoàn toàn trong 03 giờ sau khi phát hiện.

5. Tiêu chí chất lượng cầu, hầm, cống chui, kè, tường chắn, tường chống ồn, trung tâm quản lý điều hành giao thông đường cao tốc, hệ thống giám sát điều hành giao thông trên đường cao tốc, biển báo giao thông điện tử trên đường cao tốc, hệ thống thông tin liên lạc trên đường cao tốc và các công trình khác

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.1	Công trình có kết cấu bằng thép hoặc bằng kim loại khác	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.2.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Kết cấu sạch, không đọng nước. Các bộ phận kim loại của toàn bộ công trình phải được sơn hoặc nếu không phải được bảo vệ và không bị xói mòn, rỉ sét. b) Khi công trình bị hư hỏng đe dọa tới tính toàn vẹn kết cấu của công trình, nhà thầu phải thông báo ngay cho cấp có thẩm quyền; đồng thời phải có biện pháp cảnh báo cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến; cần thiết phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và an toàn giao thông.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày từ khi phát hiện.
5.2	Công trình có kết cấu bê tông, đá xây	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.2.1 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Tình trạng công trình bình thường, vệ sinh sạch sẽ, không đọng nước, các hư hỏng nhỏ phải được sửa chữa hoặc theo dõi.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			b) Khi công trình bị hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn kết cấu của công trình, nhà thầu phải thông báo ngay cho cấp có thẩm quyền; đồng thời phải có biện pháp cảnh báo cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến. Cần thiết phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và an toàn giao thông.	
5.3	Khe co giãn cầu, gối cầu, mố trụ cầu	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.1.6, 8.3 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Sạch đất cát, không bong tróc, mất bu lông và không biến dạng, hư hỏng, đảm bảo trong tình trạng tốt. Gối cầu thép phải được bôi mỡ. b) Đối với các hư hỏng, biến dạng của gối cầu, mố trụ cầu phải được phát hiện, báo cáo và theo dõi thường xuyên. c) Các nguyên nhân dẫn đến việc không đảm bảo yêu cầu phải được thực hiện trong thời gian 14 ngày sau khi nước rút.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng: a) 01 ngày từ khi phát hiện đối với khe co giãn. b) 05 ngày từ khi phát hiện với gối, mố, trụ cầu.
5.4	Mặt cầu, đường đầu cầu	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.1, 8.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Không có ổ gà, vệ sinh sạch, thoát nước tốt. Đảm bảo êm thuận phần tiếp giáp đầu cầu. b) Xử lý ổ gà, rạn nứt, trồi lún như quy định đối với mặt đường tương ứng tại điểm 2 Mục II Phụ lục này. c) Có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo quy định khi có hư hỏng trong thời gian chờ xử lý.	01 ngày từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			d) Các chỗ lún lõm, ổ gà phải được xử lý đảm bảo giao thông ngay sau không quá 01 ngày phát hiện.	
5.5	Hầm/Cống chui dân sinh	Thực hiện theo quy định tại Mục 9 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Mặt đường hầm chui sạch, không bị đọng nước. b) Các hư hỏng, khuyết tật phải được xử lý theo tiêu chuẩn kỹ thuật. c) Mặt đường ra vào hầm êm thuận. d) Hai đầu hầm không bị khuất tầm nhìn do cây che lấp. đ) Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	a) Công tác vệ sinh mặt đường và phát quang thực hiện trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện bẩn, cây cối che lấp. b) Các hư hỏng khác xử lý hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi xuất hiện.
5.6	Kè hướng dòng, các kết cấu phòng hộ	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.5 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Tình trạng công trình bình thường; không có hư hỏng, không có cây cối ảnh hưởng đến dòng chảy và kết cấu công trình. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	07 ngày từ khi phát hiện.
5.7	Tường chắn, kè	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.5.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Tình trạng tường chắn bình thường; không có hư hỏng, không có cây cối ảnh hưởng đến dòng chảy và kết cấu công trình, đảm bảo thoát nước bình thường. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	07 ngày từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.8	Tường chống ồn	Thực hiện theo quy định tại Mục 11.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Tình trạng công trình hoạt động bình thường; không bị bẩn, nghiêng đổ. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	07 ngày từ khi phát hiện.
5.9	Hầm đường bộ	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.7 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Đảm bảo mặt đường sạch, thoát nước và đảm bảo chiếu sáng đảm bảo an toàn giao thông. b) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, xử lý các hư hỏng nhỏ và theo dõi, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.	05 ngày từ khi phát hiện.
5.10	Trung tâm quản lý điều hành giao thông trên đường cao tốc (trung tâm ITS)	Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng trong giai đoạn khai thác đáp ứng quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10851:2015 "Trung tâm quản lý điều hành giao thông đường cao tốc".	Hoạt động bình thường đảm bảo các nội dung theo quy định về yêu cầu kỹ thuật chất lượng.	a) Đối với các hạng mục công trình xây dựng gồm nhà, hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và các công trình xây dựng khác: thời gian thực hiện bảo dưỡng không quá 07 ngày từ khi có hư hỏng, xuống cấp thuộc phạm vi công tác bảo dưỡng.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
				b) Đối với thiết bị cấp điện (nguồn, dây dẫn, biến áp, lưu điện và các thiết bị điện lực khác), thiết bị quay phim, ghi hình, các thiết bị quang học, hệ thống máy tính, tin học: hư hỏng dây dẫn khắc phục không quá 12 tiếng; hư hỏng nhỏ các thiết bị còn lại, thời gian khắc phục không quá 24 tiếng. c) Trường hợp xảy ra sự cố, hư hỏng nằm ngoài phạm vi trên, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý không quá 02 giờ.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.11	Hệ thống giám sát, điều hành giao thông trên đường cao tốc	Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng đáp ứng quy định trong giai đoạn khai thác tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10850:2015 Hệ thống giám sát, điều hành giao thông trên đường cao tốc.	Hoạt động bình thường đảm bảo các nội dung theo quy định về yêu cầu kỹ thuật chất lượng.	a) Đối với các hạng mục công trình xây dựng gồm nhà, phòng cháy chữa cháy và các công trình xây dựng khác: thời gian thực hiện bảo dưỡng không quá 07 ngày từ khi có hư hỏng, xuống cấp thuộc phạm vi công tác bảo dưỡng. b) Đối với thiết bị cấp điện (nguồn, dây dẫn, biến áp, lưu điện và các thiết bị điện lực khác), thiết bị quay phim, ghi hình, các thiết bị quang học, hệ thống máy tính, tin học: hư hỏng dây dẫn khắc phục không quá 12 tiếng; hư hỏng nhỏ

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
				các thiết bị còn lại, thời gian khắc phục không quá 24 tiếng. c) Trường hợp xảy ra sự cố, hư hỏng nằm ngoài phạm vi trên, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý không quá 02 giờ.
5.12	Biển báo giao thông điện tử trên đường cao tốc	Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng trong giai đoạn khai thác đáp ứng quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10852:2015 "Biển báo giao thông điện tử trên đường cao tốc - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử".	a) Hoạt động bình thường, liên tục, sạch, cung cấp các thông tin theo quy định về yêu cầu kỹ thuật chất lượng. b) Thông tin phải được hiển thị rõ ràng, dễ quan sát, không được nhấp nháy, các chữ hiển thị phải cùng một lúc. c) Đảm bảo độ sáng trong điều kiện ánh sáng ban ngày và ban đêm. d) Cập nhật thông tin trong vòng 03s (giây) khi có yêu cầu thay đổi thông tin hiển thị.	a) Biển báo không hoạt động được thì thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng khắc phục không quá 12 giờ (trừ khi mưa, bão hoặc sự cố công trình). b) Trường hợp xảy ra sự cố, hư hỏng lớn, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý không quá 02 giờ.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.13	Hệ thống thông tin liên lạc trên đường cao tốc	Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng đáp ứng quy định trong giai đoạn khai thác tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12191:2018 "Hệ thống thông tin liên lạc trên đường cao tốc".	a) Hoạt động bình thường, đảm bảo tính kết nối được liên tục, không bị gián đoạn theo quy định về yêu cầu kỹ thuật chất lượng. b) Hệ thống điện thoại khẩn cấp tiếp nhận các thông báo về tai nạn, sự cố phương tiện và công trình trên đường cao tốc từ các cá nhân và tổ chức, hoạt động 24/24h. c) Biển chỉ dẫn số điện thoại khẩn cấp dọc tuyến cao tốc phải rõ ràng đầy đủ các số điện thoại khẩn cấp, không bị che khuất. d) Thông tin phải được ghi đầy đủ trong sổ nhật ký.	a) Hệ thống không hoạt động được thì thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng khắc phục không quá 12 giờ. b) Trường hợp xảy ra sự cố, hư hỏng lớn, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý không quá 02 giờ.

Phụ lục số II

QUY ĐỊNH VỀ GIÁM SÁT, NGHIỆM THU, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, KHẤU TRỪ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG BẢO DƯỠNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Quy định về giám sát

1. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm tổ chức việc giám sát, nghiệm thu hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện của nhà thầu, cụ thể:

a) Trường hợp có đủ biên chế và năng lực thực hiện nhiệm vụ giám sát, cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có thể trực tiếp thực hiện việc giám sát kết quả thực hiện hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện;

b) Trường hợp không có đủ biên chế và năng lực thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện của nhà thầu, cơ quan được giao quản lý tài sản có thể giao Ban Quản lý dự án có đủ năng lực để tổ chức thực hiện hoạt động giám sát. Chi phí giám sát việc thực hiện bảo dưỡng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

c) Tổ chức thực hiện giám sát phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và có đủ nhân sự thực hiện giám sát tại công trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của hoạt động bảo trì thực hiện giám sát.

2. Nội dung giám sát

a) Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đại diện của cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Ban Quản lý dự án bảo trì), người thực hiện nhiệm vụ giám sát cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện.

b) Kiểm tra đối chiếu nhân lực, thiết bị thi công, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu bảo trì trên thực tế với các quy định trong hồ sơ mời thầu, dự thầu, hợp đồng bảo trì đã ký.

c) Giám sát chất lượng thực hiện hoạt động bảo dưỡng tài sản của nhà thầu theo các tiêu chí chất lượng quy định trong hợp đồng, phát hiện các tồn tại về chất lượng thực hiện; lập biên bản hoặc có văn bản thông báo với đại diện nhà thầu yêu cầu khắc phục các tồn tại theo quy định; hết thời hạn khắc phục cho phép, tổ chức kiểm tra việc khắc phục của nhà thầu.

d) Định kỳ tối thiểu 01 tuần, giám sát phải kiểm tra kết quả thực hiện của nhà thầu (bao gồm cả công tác quản lý và bảo dưỡng); kiểm tra đột xuất. Tạm dừng thi công đối với nhà thầu bảo trì khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định.

đ) Báo cáo kịp thời cơ quan được giao quản lý tài sản các tồn tại vướng mắc ngoài thẩm quyền, kiến nghị giải pháp xử lý để đảm bảo chất lượng thực hiện.

e) Hàng tháng, trước ngày nghiệm thu kết quả thực hiện ít nhất 02 ngày, trên cơ sở kết quả nghiệm thu đánh giá nội bộ của nhà thầu, kết quả kiểm tra nội nghiệp và hiện trường; người thực hiện nhiệm vụ giám sát đánh giá kết quả thực hiện đối với từng tiêu chí chất lượng của từng hạng mục công việc trong tháng, đề xuất mức điểm đạt được đối với kết quả thực hiện của nhà thầu, các tồn tại, bất cập cần chấn chỉnh, báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan được giao quản lý tài sản hoặc đại diện cơ quan được giao quản lý tài sản xem xét, quyết định.

g) Phát hiện các sai sót bất cập trong quá trình triển khai thực hiện cũng như quy định hợp đồng, kiến nghị cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức điều chỉnh hợp đồng.

h) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng bảo trì.

II. Quy định về nghiệm thu

1. Việc nghiệm thu chất lượng thực hiện hoạt đồng bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện từng tháng; việc thanh toán thực hiện theo từng tháng hoặc quý và được quy định trong hợp đồng.

2. Các bên tham gia kiểm tra nghiệm thu gồm: đại diện cơ quan được giao quản lý tài sản (gọi chung là Bên A) có trách nghiệm chủ trì, phối hợp với nhà thầu thực hiện hợp đồng bảo dưỡng đường bộ (Bên B) để tiến hành kiểm tra khi nghiệm

thu. Bên A có thể mời thêm thành phần khác tham gia kiểm tra khi tiến hành nghiệm thu.

a) Cơ cấu tham gia nghiệm thu gồm Bên A và tư vấn giám sát (trường hợp Bên A có thuê tư vấn giám sát) chiếm không ít hơn 2/3 số thành viên tham gia nghiệm thu, còn lại là đại diện Bên B. Đối với trường hợp có tư vấn giám sát thì Bên A phải có không ít hơn 20% số người tham gia nghiệm thu và có ít nhất một người tham gia nghiệm thu.

b) Các thành viên tham gia nghiệm thu có trách nhiệm chấm điểm đánh giá kết quả thực hiện của nhà thầu trong kỳ nghiệm thu. Điểm đánh giá trong tháng là điểm trung bình cộng của các thành viên tham gia nghiệm thu.

c) Người tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thực hiện công việc của mình.

3. Kết quả nghiệm thu được lập thành biên bản và là căn cứ để thanh toán cho nhà thầu bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

4. Việc đánh giá kết quả thực hiện của nhà thầu được xem xét trên cơ sở:

a) Báo cáo kết quả thực hiện của nhà thầu, biên bản nghiệm thu, bảng chấm điểm nội bộ của nhà thầu;

b) Báo cáo, đánh giá nhận xét, bảng chấm điểm, ý kiến đề xuất của giám sát đối với kết quả thực hiện của nhà thầu trong tháng;

c) Kết quả kiểm tra nội nghiệp (hồ sơ quản lý bảo trì, hồ sơ đăng ký cầu đường, nhật ký tuần đường, hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ và các tài liệu khác), kiểm tra hiện trường.

5. Đối với các tồn tại được xác định khi kiểm tra nghiệm thu, ngoài việc bị khấu trừ kinh phí theo quy định tại Mục IV của Phụ lục này, nhà thầu bảo dưỡng có trách nhiệm tổ chức khắc phục ngay các tồn tại với thời hạn tối đa không quá 10 ngày kể từ khi kiểm tra nghiệm thu. Người thực hiện nhiệm vụ giám sát của cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kết quả khắc phục tồn tại của nhà thầu thực hiện công tác bảo dưỡng bằng biên bản; biên bản này là tài liệu để xem xét kết quả nghiệm thu tháng tiếp theo cho nhà thầu.

6. Số tiền thanh toán 1 kỳ (tháng hoặc quý):

a) Đối với trường hợp không bị khấu trừ quy định tại Mục IV của Phụ lục này, thì được thanh toán 100% giá trị dự toán của kỳ theo hợp đồng.

b) Trường hợp thanh toán theo tháng: số tiền thanh toán trong tháng bằng 1/12 giá trị hợp đồng trong 01 năm hoặc bằng 01 tháng chia cho số tháng trong thời hạn hợp đồng, sau đó nhân giá trị hợp đồng.

Trường hợp thanh toán vào các tháng mà trong hợp đồng có quy định thanh toán cả chi phí trượt giá thì được bổ sung chi phí trượt giá vào tháng thanh toán.

c) Trường hợp số điểm đạt trên 50% khung điểm, đồng thời bị khấu trừ chi phí thanh toán: số tiền thanh toán trong tháng bằng số tiền quy định tại điểm a khoản này trừ số tiền bị giảm trừ. Số tiền giảm trừ xác định theo quy định tại khoản 3 Mục IV của Phụ lục này.

d) Trường hợp thanh toán theo quý, thì cộng giá trị được thanh toán các tháng trong quý đó.

7. Căn cứ đặc điểm gói thầu, công trình và quy định tại Thông tư này, cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm quy định việc đánh giá chất lượng, điểm, phương pháp chấm điểm, giám sát, nghiệm thu và thanh toán trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu khi tiến hành lựa chọn nhà thầu và quy định trong hợp đồng để làm cơ sở cho các bên triển khai thực hiện.

III. Hướng dẫn phương pháp đánh giá chất lượng thực hiện

1. Việc đánh giá kết quả việc thực hiện bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện được thực hiện theo phương pháp chấm điểm. Khung điểm để lựa chọn đánh giá là 100 điểm (trường hợp có nhiều công việc đánh giá có thể lựa chọn khung điểm để đánh giá là 1.000 điểm) cho tất cả công việc bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong một hợp đồng, một gói thầu.

2. Nguyên tắc phân bổ điểm của mỗi công việc bảo dưỡng trong khung điểm thực hiện theo một trong các phương pháp sau:

a) Phương pháp xác định điểm theo giá trị dự toán chi phí bảo dưỡng được duyệt để xác định điểm cho từng công việc đối với gói thầu áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện:

Theo phương pháp này, điểm của mỗi công việc bằng 100 điểm (nếu áp dụng khung điểm 1.000 thì thay 100 điểm bằng 1.000 điểm) nhân với tỷ số giữa giá trị công việc chia cho giá trị dự toán của gói thầu, cụ thể được xác định như sau:

$$Ni = 100 \times (Di / TD)$$

Trong đó:

- Ni là điểm số công việc thứ i (i = 1- n, n là tổng số công việc thuộc gói thầu);

- Di là dự toán công việc thứ i;

- TD là tổng dự toán gói thầu được duyệt của các hạng mục, công việc trong gói thầu áp dụng bảo trì theo chất lượng.

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp các hạng mục công việc thuộc gói thầu (hợp đồng) không cần ưu tiên: như các gói thầu bảo dưỡng các tuyến đường cấp thấp (đường cấp V, cấp VI theo TCVN 4054:2005 hoặc cấp thấp hơn), đường do địa phương quản lý hoặc đường khác mà số điểm của các công việc phù hợp với tính chất của công việc.

Ví dụ 1: xác định điểm các công việc bảo dưỡng của gói thầu bảo dưỡng đường bộ cấp VI có giá trị dự toán duyệt là 500 triệu đồng, trong đó có 4 công việc sau: công việc vá ổ gà giá trị trong dự toán là 200 triệu đồng; công việc bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn là 100 triệu đồng; công tác nạo vét cống rãnh thoát nước có giá trị bằng 100 triệu đồng; công tác cắt cỏ giá trị dự toán là 100 triệu đồng. Xác định điểm của từng công việc bảo dưỡng trên trong trường hợp không đặt ra ưu tiên đối với các công việc.

Dự toán gói thầu (TD) = (200 + 100 + 100 + 100) tr = 500 triệu.

Căn cứ phương pháp xác định điểm tại điểm a, khoản 2, Mục III Phụ lục này xác định điểm của từng hạng mục như sau:

Điểm của hạng mục vá ổ gà = 100 điểm x (200 tr/500 tr) = 40 điểm.

Điểm của hạng mục bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn = 100 điểm x (100 tr/500 tr) = 20 điểm.

Điểm của hạng mục nạo vét công rãnh = 100 điểm x (100 tr/500 tr) = 20 điểm.

Điểm của hạng mục cắt cỏ = 100 điểm x (100 tr/500 tr) = 20 điểm.

(Tổng điểm 4 hạng mục thuộc gói thầu = 40 + 20 + 20 +20 = 100 điểm).

b) Phương pháp xác định điểm có ưu tiên đối với gói thầu áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện:

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp cần ưu tiên điểm cho một số công việc quan trọng so với các công việc khác thuộc gói thầu, thì căn cứ tính chất quan trọng của các công việc bảo trì để xác định mức điểm cho từng công việc. Các công việc quan trọng được ưu tiên có số điểm cao. Trường hợp này được áp dụng đối với các công trình đường bộ ngoài phạm vi quy định tại điểm a khoản 2 Mục III của Phụ lục này. Trong trường hợp này căn cứ tất cả các công việc bảo dưỡng và hệ số phản ánh mức độ ưu tiên của hạng mục để xác định như sau:

Bước 1. Xác định các công việc ưu tiên, mức ưu tiên và công việc không ưu tiên

- Các công việc ưu tiên thứ nhất gồm bảo dưỡng vá ổ gà, trám vá vết nứt, xử lý lún lõm mặt đường, hệ thống quản lý giám sát, điều hành đường cao tốc, bảo dưỡng sửa chữa mặt cầu, khe co giãn, vệ sinh hầm, thiết bị trong hầm, gọi là *Ai* và được ưu tiên thực hiện có hệ số *Kai* từ 1,5 đến 2. Giá trị dự toán hạng mục này là *Dai.*

- Các công việc cần ưu tiên thứ hai gồm nạo vét, khơi thông cống, rãnh thoát nước, bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông, sửa chữa lề đường, nền đường, phát hiện xử lý vi phạm hành lang, đấu nối trái phép gọi là *Bi* có hệ số *Kbi* từ 1,25 đến 1,5. Giá trị dự toán hạng mục này là *Dbi.*

- Tuần đường, cắt cỏ và các công việc còn lại gọi là *Ci* có hệ số *Kci* = 1. Giá trị dự toán hạng mục này là *DCi.*

Hệ số *Kai, Kbi, Kci* do người có thẩm quyền duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ đặt hàng quyết định trên cơ sở tính chất quan trọng của gói thầu và các công việc thuộc gói thầu.

Bước 2. Xác định điểm của công việc ưu tiên, mức ưu tiên và công việc không ưu tiên

- Điểm của công việc *Ai* = 100 điểm x (*Kai x DAi / TL*)

- Điểm của công việc *Bi* = 100 điểm x (*Kbi x DBi / TL*)

- Điểm của công việc *Ci* = 100 điểm x (*DCi / TL*)

Trong đó, *TL* xác định như sau:

TL = (Kai x ∑ DAi + Kbi x ∑ DBi + Kci x ∑ DCi).

Ví dụ 2: xác định điểm các công việc trong gói thầu bảo dưỡng của tuyến đường cấp II theo TCVN 4054 :2005. Giá trị dự toán duyệt là 500 triệu đồng, trong đó có 4 công việc sau: công việc vá ổ gà giá trị trong dự toán là 200 triệu đồng; công việc bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn là 100 triệu đồng; công tác nạo vét cống rãnh thoát nước có giá trị bằng 100 triệu đồng; công tác cắt cỏ giá trị dự toán là 100 triệu đồng.

Xác định điểm của từng công việc bảo dưỡng, khi công việc vá ổ gà được ưu tiên hệ số *Kai* = 2; công việc bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn có *Kai* = 2; công tác nạo vét cống rãnh thoát nước có *Kbi* = 1,5; công tác cắt cỏ hệ số *Kci* = 1.

Căn cứ phương pháp xác định điểm tại điểm b, khoản 2, Mục III của Phụ lục này việc xác định điểm của từng hạng mục như sau:

TL = (2 x ∑ DAi + 1,5 x ∑ DBi + ∑ DCi). Thay giá dự toán các công việc vào công thức, có:

TL = 2 x 200 + 2 x 100 + 1,5 x 100 + 1 x 100 = 850.

Xác định điểm của từng hạng mục theo phương pháp tại điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục này:

Điểm hạng mục vá ổ gà = 100 điểm x (2 x 200/850) = 47 điểm.

Điểm hạng mục bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn = 100 điểm x (2 x 100/850) = 23,5 điểm.

Điểm hạng mục nạo vét cống rãnh = 100 điểm x (1,5 x 100/850) = 17,65 điểm.

Điểm hạng mục cắt cỏ = 100 điểm x (1 x 100/850) = 11,85 điểm.

(Tổng điểm 4 hạng mục của gói thầu = 47 + 23,5 + 17,65 + 11,85 = 100 điểm).

c) Trường hợp gói thầu kết hợp hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện và bảo trì theo khối lượng thực tế thì chỉ xác định điểm để đánh giá và phần giá trị gói thầu của các công việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện theo 2 phương pháp nêu trên.

Ví dụ 3: gói thầu bảo dưỡng 50 km đường cấp V, mặt đường láng nhựa đã khai thác 11 năm quá thời hạn khai thác theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế và quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT. Dự toán chi phí quản lý bảo dưỡng cả gói thầu là 4 tỷ đồng, trong đó: giá trị phần dự toán công tác bảo dưỡng mặt đường

là 1,5 tỷ đồng; dự toán bảo dưỡng các nhóm công việc như sau: nhóm bảo dưỡng cầu là 500 triệu, dự toán các công việc bảo dưỡng lề 250 triệu đồng; bảo dưỡng rãnh, cống thoát nước 500 triệu, bảo dưỡng nền đường 250 triệu; bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông 500 triệu; công tác quản lý và tuần đường 250 triệu; cắt cỏ, phát quang 250 triệu.

Gói thầu này được cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức bảo trì theo khối lượng đối với công tác bảo dưỡng mặt đường do quá thời hạn khai thác nhưng chưa được sửa chữa định kỳ hoặc cải tạo nâng cấp mặt đường; các hạng mục còn lại áp dụng bảo dưỡng theo chất lượng. Xác định điểm của nhóm công việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng.

Bước 1: xác định tổng giá trị dự toán các hạng mục bảo trì theo chất lượng là: 4 tỷ - 1,5 tỷ = 2,5 tỷ.

Bước 2: xác định tỷ số giá trị dự toán từng nhóm công việc so với tổng giá trí dự toán tất cả các công việc bảo trì theo chất lượng thực hiện và điểm của từng hạng mục.

- Tỷ số dự toán hạng mục/tổng dự toán các hạng mục = *Di/(TD)* = Dự toán hạng mục/2,5 tỷ .

- Tuyến đường cấp V nên không có hạng mục công việc cần ưu tiên, do đó điểm các hạng mục được tính như sau:

Điểm của hạng mục *Ni* = 100 x *Di/TD* = 100 x *Di*/2,5 tỷ

TT	Nhóm các hạng mục công việc	Dự toán nhóm việc (tỷ đồng)	Giá trị dự toán/Giá trị dự toán	Điểm của các nhóm
1	Bảo dưỡng cầu	0,50	0,2	20
2	Bảo dưỡng lề	0,25	0,1	10
3	Bảo dưỡng rãnh, cống thoát nước	0,50	0,2	20
4	Bảo dưỡng nền đường	0,25	0,1	10
5	Bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông	0,50	0,2	20
6	Các việc quản lý và tuần đường	0,25	0,1	10
7	Nhóm việc cắt cỏ, phát quang.	0,25	0,1	10

Trong trường hợp yêu cầu tính từng công việc cụ thể trong một nhóm công tác bảo dưỡng cũng áp dụng cách xác định như trên để xác định.

d) Trường hợp một số tiêu chí cần thực hiện thuộc công tác quản lý nhưng không được bố trí kinh phí để thực hiện riêng hạng mục đó (như tiêu chí A là "*Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình*", tiêu chí B là "*Đảm bảo trật tự an toàn giao thông*"); trường hợp này điểm của tiêu chí được xác định bằng điểm của tiêu chí tương tự (tiêu chí A bằng điểm của tiêu chí "*Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường*", tiêu chí B bằng điểm của tiêu chí "*Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đấu nối*" hoặc tiêu chí "*Trực bão lụt*").

Ví dụ 4: điểm của tiêu chí A xác định bằng điểm của tiêu chí "*Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường*"*;* trong trường hợp này, khi xác định điểm của tất cả các tiêu chí thì số điểm của tiêu chí "*Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường*" được nhân 2; sau đó chia 2 để xác định điểm cụ thể của 2 tiêu chí này. Tương tự để xác điểm của tiêu chí B "*Đảm bảo trật tự an toàn giao thông*" có thể xác định bằng điểm của tiêu chí "*Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đấu nối*" hoặc tiêu chí "*Trực bão lụt*" theo phương pháp này.

đ) Trường hợp hạng mục công việc có bố trí kinh phí nhưng không có tiêu chí riêng như công tác đăng ký đường, công tác này nằm trong tiêu chí "*Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình*", thì kinh phí để thực hiện công tác này được dùng để xác định điểm của tiêu chí "*Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình*".

3. Hướng dẫn chấm điểm theo kết quả thực hiện

3.1. Cơ quan được giao quản lý tài sản đường bộ có trách nhiệm quy định cụ thể việc chấm điểm trong các hồ sơ để lựa chọn nhà thầu, đặt hàng và trong hợp đồng. Việc xây dựng cách chấm điểm phải căn cứ vào Mục I, Mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, tính chất và các yêu cầu đối với công việc thuộc gói thầu, yêu cầu của từng tiêu chí trong Mục I, Mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3.2. Hướng dẫn xây dựng cách chấm điểm: được thực hiện trên cơ sở đánh giá đối với từng tiêu chí chất lượng cụ thể theo nguyên tắc sau:

a) Đối với công tác quản lý, việc đánh giá điểm của từng tiêu chí được xác định theo các mức độ sau:

- Nhà thầu không thực hiện: không cung cấp các tài liệu chứng minh kết quả thực hiện tiêu chí, số điểm chấm là 0 điểm;

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra từ 03 lỗi trở lên trong các lỗi thì được không quá 25% điểm của tiêu chí. Các lỗi được xác định dựa trên các lỗi của nhà thầu không đáp ứng mức độ yêu cầu, thời gian khắc phục cho phép trong tiêu chí chất lượng của hạng mục công việc, ví dụ: không có hồ sơ quản lý; không kiểm tra; không phát hiện kịp thời các phát sinh, biến động tài sản và tình hình hư hỏng, xuống cấp; không cập nhật diễn biến phát sinh trình trạng công trình; không báo cáo theo quy định; không xử lý tồn tại;

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra 02 lỗi trong các lỗi trên thì số điểm chấm không quá 50% số điểm tối đa của tiêu chí;

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra 01 lỗi trong các lỗi trên thì số điểm chấm là 75% số điểm tối đa của tiêu chí;

- Nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu chất lượng: số điểm chấm là 100% số điểm tối đa của tiêu chí.

b) Đối với công tác bảo dưỡng, việc đánh giá điểm của tiêu chí được xác định theo các mức độ sau:

- Nhà thầu không thực hiện: số điểm chấm là 0 điểm;

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra từ 03 lỗi trở lên trong các lỗi ở phần sau thì đánh giá tối đa 25% số điểm của tiêu chí. Các lỗi được xác định dựa trên các lỗi của nhà thầu không đáp ứng mức độ yêu cầu, thời gian khắc phục cho phép trong tiêu chí chất lượng của từng hạng mục công việc, ví dụ xác định điểm công tác bảo dưỡng thứ i trong kỳ nghiệm thu xác định trên các lỗi:

+ Bảo dưỡng không đầy đủ, vẫn còn tồn tại không đáp ứng mức độ yêu cầu của tiêu chí chưa được xử lý;

+ Bảo dưỡng một số vị trí, bộ phận chưa đúng yêu cầu kỹ thuật chất lượng;

+ Bảo dưỡng không đáp ứng thời gian khắc phục cho phép (trừ trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai, bão, động động và bất khả kháng khác mà bảo dưỡng không kịp thời);

+ Không báo cáo, ghi chép và thực hiện các nội dung có liên quan đến bảo dưỡng theo quy định;

+ Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng còn nhiều tồn tại đối các quy định khác liên quan đến công tác bảo dưỡng đang xem xét;

+ Không thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và các quy định khác khi thực hiện hoạt động bảo dưỡng trong hợp đồng.

- Có thực hiện nhưng để xảy ra 02 lỗi trong các lỗi trên: số điểm chấm là 50% số điểm tối đa của tiêu chí;

- Có thực hiện nhưng để xảy ra 01 lỗi trong các lỗi trên: số điểm chấm là 75% số điểm tối đa của tiêu chí;

- Đáp ứng yêu cầu: thực hiện đầy đủ các yêu cầu chất lượng, số điểm chấm là 100% số điểm tối đa của tiêu chí.

c) Việc xác định lỗi của tiêu chí có thể được xác định trên toàn bộ gói thầu hoặc trên một đoạn tuyến tùy theo tính chất công việc nhưng chiều dài xem xét không nhỏ hơn 10 km. Ví dụ đối với công tác quản lý được xem xét trên toàn bộ gói thầu, đối với công tác bảo dưỡng như bảo dưỡng mặt đường có thể được phân loại theo kết cấu mặt đường, tình trạng khai thác, điều kiện tự nhiên - xã hội của từng đoạn tuyến để phân đoạn đánh giá điểm, nhưng chiều dài của đoạn tuyến để xác định lỗi không nhỏ hơn 10 km.

4. Đối với tài sản hạ tầng giao thông đường bộ là các công trình có quy trình quản lý, vận hành khai thác và bảo trì riêng (hầm hoặc cầu lớn) cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ có trách nhiệm xây dựng các tiêu chí yêu cầu về chất lượng đối với các hạng mục có trong quy trình riêng của công trình đó nhưng chưa có trong Mục I, Mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp trong quy trình riêng của công trình có yêu cầu cao hơn (về kỹ thuật, chất lượng, về tính kịp thời và các yêu cầu khác) so với quy định tại Mục I, Mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này thì không được đưa ra yêu cầu thấp hơn quy trình trong hồ sơ lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và quá trình thực hiện.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là các công trình đường bộ thuộc hệ thống đường do chính quyền địa phương quản lý nhưng chưa được đầu tư xây dựng theo cấp quy định trong hệ thống tiêu chuẩn thiết kế, công trình đường bộ đã hư hỏng xuống cấp nhưng chưa được sửa chữa khôi phục lại theo thiết kế, cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quyết định áp dụng một phần hoặc toàn bộ các quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này khi xây dựng tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản theo chất lượng thực hiện.

IV. Quy định về khấu trừ kinh phí

1. Tổng điểm các tiêu chí nghiệm thu của kỳ nghiệm thu theo tháng đạt từ 50 điểm trên toàn bộ 100 điểm là đạt mức trung bình trở lên thì được thanh toán trên cơ sở số điểm đạt được so với tổng số điểm. Trường hợp tổng điểm trong kỳ nghiệm thu đạt dưới 50 điểm thì không được thanh toán.

Trường hợp áp dụng khung điểm 1000 thì số điểm để được thanh toán phải đạt trên 500 điểm.

2. Tỷ lệ tiền được thanh toán của tháng (viết tắt là *TTL*) được xác định bằng tổng số điểm đạt được chia cho số điểm của khung 100 hoặc 1000.

Trường hợp nghiệm thu theo từng tháng thứ 1, 2 và 3 trong một quý và thanh toán theo quý thì *TTL* của quý bằng trung bình cộng của TTL từng tháng.

$$TTL \text{ quý} = (TTL1 + TTL2 + TTL3)/3.$$

3. Trường hợp trong tháng nhà thầu kết quả đánh giá không dưới 50% khung điểm thì tỷ lệ giá trị thanh toán cho nhà thầu là *TTL* = % số điểm đạt được. Tỷ lệ giảm trừ bằng (1- *TTL*) x 100%./.